

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 378 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Quy chế tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN  
Số: 1384  
Ngày: 07/10/16  
Chuyên: .....  
Linh hồ sơ số: .....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận tại Tờ trình số 113/TTr-CT ngày 28/7/2016 và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2712/TTr-STC ngày 20/9/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận; gồm 7 chương, 31 điều.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các quy định tại quy chế tài chính có hiệu lực từ năm tài chính 2016.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai

*(Handwritten signature)*

thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

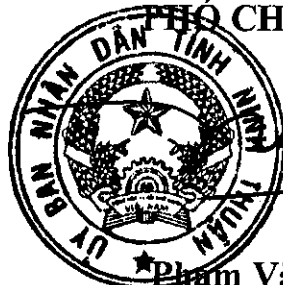
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB (Bộ Tư Pháp);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, TH;
- Lưu: VT, ĐN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu

## QUY CHẾ

### Quản lý tài chính Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 578 /QĐ-UBND ngày 07/10/2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Điều khoản chung

1. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp hoạt động công ích 100% vốn nhà nước. Ngành nghề kinh doanh chính là:

a) Hoạt động công ích:

Quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận do Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý;

b) Hoạt động ngoài công ích:

- Tổ chức thi công tu bổ, sửa chữa thường xuyên, cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi bằng nguồn vốn thủy lợi phí hoặc ngân sách cấp theo kế hoạch hàng năm;

- Cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ngoài công ích;

- Thi công sửa chữa, xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng;

- Khảo sát thiết kế các công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp có quy mô vừa và nhỏ;

- Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi.

2. Công ty có trách nhiệm quản lý tốt tài sản, vốn được giao và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu xảy ra thất thoát.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát và thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước, Ban kiểm soát và Công ty.

4. Nguyên tắc chung trong quản lý thu chi: Mọi hoạt động thu, chi tại đơn vị phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, Công ty và phải được quản lý, giám sát chặt chẽ.

5. Chủ tịch Công ty là người chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và pháp luật về quản lý tài chính tại Công ty.

6. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty và pháp luật về công tác quản lý điều hành được giao.

7. Các Phó giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Giám đốc Công ty và pháp luật về công tác quản lý điều hành được giao.

8. Trưởng, phó các Phòng, Ban, Trạm là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Giám đốc Công ty, Phó giám đốc phụ trách và pháp luật về công tác nhiệm vụ được giao.

## **Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này quy định về công tác tài chính áp dụng cho các đối tượng thuộc Công ty và công tác quản lý vốn khi Công ty đầu tư vào Công ty khác.

2. Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Công ty không quy định tại quy chế này sẽ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính**

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận thực hiện các quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, theo nguyên tắc quản lý tập trung và chịu sự kiểm tra giám sát về mặt tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

## **Điều 4. Quyền quản lý tài chính của Công ty**

1. Công ty được quyền chủ động sử dụng số vốn Công ty để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty.

2. Nhượng bán, thanh lý những tài sản không còn sử dụng được do hư hỏng, kém phẩm chất, hết giá trị sử dụng (trừ những tài sản cố định là kênh, mương, hồ đập).

3. Trình Chủ sở hữu phê duyệt phân phối phần lợi nhuận còn lại sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách nhà nước; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Nghĩa vụ tài chính của Công ty**

1. Thực hiện đúng các chế độ về quản lý vốn, tài sản, phân chia các quỹ, hạch toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính Công ty.

2. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

3. Công bố, công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

## Chương II

### QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY

#### **Điều 6. Vốn điều lệ Công ty**

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.729.907.238.845 đồng (Bằng chữ: Một ngàn, bảy trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm bốn mươi lăm đồng).

#### **Điều 7. Bảo toàn vốn**

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn và phát triển vốn Chủ sở hữu đã đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn Chủ sở hữu, Công ty phải báo cáo cho Chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát.

2. Việc bảo toàn vốn của Chủ sở hữu tại Công ty thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có);

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;
- Các khoản dự phòng khác theo quy định.

d) Các biện pháp về bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng rủi ro:

a) Các khoản dự phòng nêu trên được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty;

b) Số tiền trích, tỷ lệ trích và sử dụng các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty**

Chủ tịch Công ty quyết định đầu tư vốn ra ngoài Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Đối với các dự án đầu tư kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh chính là quản lý khai thác công trình thủy lợi, Chủ tịch Công ty phải trình và báo cáo với Chủ sở hữu theo quy định.

Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

## **Điều 9. Huy động vốn**

Công ty được vay vốn của các tổ chức tín dụng, các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật thông qua việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn ngắn hạn và dài hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với mức lãi suất quy định của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty (nếu có).

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 10. Quản lý vốn bằng tiền**

1. Tiền mặt: Tiền mặt tại Công ty phải được bảo quản đúng quy định để phục vụ cho công tác thu chi. Số lượng tiền mặt tối thiểu và tối đa dư tại quỹ do Giám đốc Công ty quy định theo từng thời điểm cụ thể.

Thủ quỹ phải chịu trách nhiệm bảo quản an toàn tiền mặt tại quỹ. Kết đọng tiền phải để tại nơi an toàn, đảm bảo phòng cháy chữa cháy tốt, tránh ẩm mốc, nước tràn,... Khi tiền mặt tại quỹ bị mất trộm phải báo cáo lãnh đạo Phòng, lãnh đạo Công ty; đồng thời báo cáo với Cơ quan Công an.

Người được giao quản lý tiền mặt nếu để thất thoát, mất mát sẽ phải bồi thường 100% thiệt hại gây ra; nếu lợi dụng tiền của Công ty sử dụng vào mục đích cá nhân sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

Kết thúc tháng, năm phải tiến hành kiểm quỹ tiền mặt, lập biên bản và đối chiếu số liệu giữa thực tế và sổ sách.

#### 2. Tiền gửi ngân hàng:

Việc gửi tiền, rút tiền, chuyển tiền trong tài khoản của Công ty tại ngân hàng do Giám đốc công ty (hoặc người được ủy quyền) chịu trách nhiệm điều hành theo thẩm quyền để phục vụ cho hoạt động kinh doanh và tận dụng tối đa hiệu quả, an toàn về công tác quản lý vốn.

#### **Điều 11. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty**

Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Trong đó:

1. Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do Công ty thực hiện, quá trình đầu tư, xây dựng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và các văn bản quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định bên ngoài đưa về sử dụng, Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với việc đầu tư, mua sắm phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và công tác chung, Công ty phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

## **Điều 12. Quản lý sử dụng tài sản cố định**

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản hữu hình như: Hệ thống kênh mương, hồ, đập, nhà quản lý, nhà làm việc, ô tô, máy bơm điện,... và các tài sản khác có nguyên giá từ 30 triệu đồng trở lên. Tất cả các tài sản trên đều phải được bảo quản chặt chẽ, giao từng đơn vị, từng người quản lý và chịu trách nhiệm. Đối với các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phải được bảo dưỡng định kỳ theo quy định. Kế toán trưởng phối hợp phòng Tổ chức – Hành chính thực hiện theo dõi quản lý tài sản cố định theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2. Sử dụng tài sản cố định: Tài sản cố định của Công ty chỉ được sử dụng vào mục đích chung của Công ty.

## **Điều 13. Trích khấu hao tài sản cố định**

1. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần vào nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Riêng tài sản cố định là các công trình hệ thống kênh mương, hồ đập,... Công ty không trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/1/2009 hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế tài chính đối với công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Văn bản số 809/BTC-TCDN ngày 20/1/2015 về việc trả lời kiến nghị cử tri gửi đến Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 8 của Bộ Tài chính.

2. Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý, bồi thường. Giám đốc Công ty quyết định mức bồi thường. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được hạch toán vào chi phí khác của Công ty.

## **Điều 14. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định**

1. Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Chủ tịch Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch Công ty thì Chủ tịch Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

b) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của Công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát;

c) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới Công ty không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

### 3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Công ty thực hiện việc nhượng bán tài sản cố định bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên;

b) Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

### 4. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản:

a) Chủ tịch Công ty quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại công ty. Thành phần Hội đồng gồm: Giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng phòng có liên quan; đại diện Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần). Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của doanh nghiệp gồm:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;

- Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến trường hợp tài sản cố định mới đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư, tài sản chưa khấu hao hết đã bị hư hỏng không thể sửa chữa được phải thanh lý, nhượng bán để báo cáo chủ sở hữu xử lý theo quy định;

- Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán;

- Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của doanh nghiệp.

*Handwritten signature*



b) Trường hợp khi Công ty thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của Công ty thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

5. Việc thực hiện hạch toán nguyên giá, giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản thực hiện theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

### **Điều 15. Mua sắm, quản lý đối với công cụ, dụng cụ, thiết bị không phải là tài sản cố định**

1. Công cụ dụng cụ là những tư liệu lao động có nguyên giá dưới 30 triệu đồng. Công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng tương đối dài nên giá trị của chúng được chuyển giao từng phần hoặc một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

2. Việc mua sắm, trang bị vật dụng phục vụ cho công tác quản lý, sản xuất kinh doanh của các Phòng, Ban, Trạm,... Công ty dựa trên các căn cứ sau:

a) Việc trang bị các đồ dùng, dụng cụ, thiết bị... phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng thực tế;

b) Căn cứ vào tình hình thực tế về tài chính của Công ty tại thời điểm đề xuất.

3. Thẩm quyền quyết định mua sắm thuộc về Giám đốc công ty hoặc Phó giám đốc (được ủy quyền) đối với những tài sản trang bị có giá trị dưới 30 triệu đồng/tài sản. Việc mua sắm, trình tự thủ tục áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc hạch toán tài sản có giá trị dưới 30 triệu đồng/tài sản thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

### **Điều 16. Quản lý hàng tồn kho**

1. Hàng tồn kho là nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường.

2. Công ty có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho kém phẩm chất ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

### **Điều 17. Quản lý các khoản nợ phải thu**

1. Công ty quản lý nợ phải thu như sau:

a) Xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ phải thu. Quy chế quản lý nợ phải thu phải quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi nợ;

b) Theo dõi nợ phải thu theo từng đối tượng nợ;

c) Thường xuyên phân loại nợ, đôn đốc thu hồi nợ.

2. Công ty được quyền bán nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Công ty chỉ được bán nợ cho tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán trực tiếp cho đối tượng nợ. Giá bán do các bên thỏa thuận và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến Công ty bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản,

Chủ tịch Công ty, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

### **Điều 18. Quản lý các khoản nợ phải trả**

1. Công ty thực hiện quản lý nợ phải trả như sau:

a) Xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ phải trả. Quy chế quản lý nợ phải trả phải quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thanh toán nợ;

b) Theo dõi nợ phải trả theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại nợ; xây dựng kế hoạch thanh toán nợ, cân đối dòng tiền bảo đảm thanh toán nợ; thanh toán các khoản nợ theo đúng thời hạn đã cam kết.

2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc có trách nhiệm thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

3. Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Chủ tịch Công ty, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp.

### **Điều 19. Kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ**

1. Tất cả các tài sản của Công ty tại các phòng, ban, trạm phải được thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm hoặc kiểm kê đột xuất.

2. Tài sản hiện có của Công ty phải được mở sổ theo dõi chi tiết.

3. Kết thúc kỳ kiểm kê, bộ phận quản lý tài sản của Công ty căn cứ vào biên bản kiểm kê thực tế đối chiếu với tài sản Công ty giao đến thời điểm kiểm kê. Báo cáo chênh lệch hoặc tài sản không sử dụng được.

4. Xử lý khi kiểm kê:

a) Tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng:

- Đối với tài sản hư hỏng do lỗi chủ quan, người sử dụng, bảo quản phải khắc phục kịp thời. Để mất do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Đối với tài sản hư hỏng do yếu tố khách quan, yếu tố do ảnh hưởng môi trường thì không phải bồi thường như các công trình thủy lợi hồ, đập, kênh mương, trạm bơm,... chịu tác động của môi trường nên dễ bị hư hỏng, xuống cấp.

b) Tài sản kiểm kê thừa: Tài sản kiểm kê thừa là tài sản chênh lệch giữa số tài sản kiểm kê thực tế và số tài sản ghi trên sổ sách kế toán hoặc bảng kê theo dõi tài sản, được hạch toán tăng thu nhập khác.

### **Điều 20. Đánh giá lại tài sản của Công ty**

1. Công ty được đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Dùng tài sản để đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp.

2. Việc đánh giá lại tài sản thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Chương IV**

### **QUẢN LÝ DOANH THU, THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN, VÀ CÁC KHOẢN NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 21. Quản lý doanh thu và thu nhập khác và chi phí của Công ty**

1. Chủ tịch, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Công ty và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 22. Các khoản doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm toàn bộ số tiền đã thu và sẽ thu được do tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty. Cụ thể:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu theo hợp đồng dịch vụ cung cấp nước và thủy lợi phí gồm:

a) Doanh thu cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi phí phải thu) là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước;

b) Doanh thu hợp đồng cấp nước cho nhà máy nước sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất công nghiệp (tiền nước) là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán theo Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng;

c) Doanh thu cấp bù miễn thu thủy lợi phí là khoản tiền thủy lợi phí được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù trên cơ sở nghiệm thu diện tích mà Công ty cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.

2. Doanh thu hoạt động tài chính: Là khoản tiền thực tế thu được từ lãi tiền gửi ngân hàng.

3. Doanh thu hợp đồng xây dựng: Là giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng đã được khách hàng chấp nhận nghiệm thu và được phản ánh trên hóa đơn đã xuất.

4. Thu nhập khác: Các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp; gồm các khoản điều chỉnh chi phí của các năm trước, thanh lý tài sản cố định.

### **Điều 23. Các khoản chi phí hoạt động kinh doanh**

Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm các khoản:

1. Chi phí nạo vét, duy tu sửa chữa công trình gồm:

a) Chi phí nạo vét kênh mương, sửa chữa thường xuyên;

b) Chi phí tu sửa công trình.

2. Chi lương và các khoản phụ cấp:

a) Quỹ lương của người lao động: Quỹ lương của người lao động Công ty được tính theo các văn bản quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Quỹ lương của Viên chức quản lý: Quỹ lương của Viên chức quản lý được tính theo các văn bản quy định đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Cách thức chi trả tiền lương, tiền thưởng thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

3. Chi phí khấu hao tài sản cố định: theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chi phí quản lý: Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

5. Chi phí ăn ca: Theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp: Theo các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu vận hành công trình: Thực hiện Quyết định 357/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận về định mức chi phí nguyên, nhiên, vật liệu để bảo dưỡng vận hành công trình gồm dầu, mỡ, sơn dùng để bôi trơn chống gỉ sét để bảo dưỡng cho các công trình phục vụ cho việc tưới, tiêu nước trên tất cả các hệ thống công trình hồ, đập, kênh mương do công ty quản lý nằm trên 7 huyện và thành phố của tỉnh.

8. Chi phí trả tiền điện các trạm bơm: Theo thực tế phát sinh.

9. Chi phí đào tạo: Theo thực tế phát sinh.

10. Chi phí làm thêm giờ: Các khoản chi phí dùng để chi trả cho cán bộ công nhân quản lý phân phối điều tiết nước ngoài giờ phục vụ công tác phòng chống hạn, phòng chống lụt bão hàng năm thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

11. Chi phí trang phục và bảo hộ an toàn lao động: Chi phí trang phục và bảo hộ lao động công ty thực hiện theo quy định và các văn bản hướng dẫn của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

12. Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị, tài sản.

13. Chi phí thù lao kiểm soát viên không chuyên trách: Tính theo quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

14. Chi phí ứng dụng khoa học kỹ thuật: Dùng để chi ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi.

15. Chi phí chống hạn đột xuất: Theo thực tế phát sinh

16. Chi phí khác: Gồm các khoản chi phí khác chưa được tính đến trong các khoản mục chi phí nêu trên và các khoản chi phí không thường xuyên (như: Chi phí kiểm định an toàn hồ đập, chi phí khai thác nước mặt, chi phí PIM,...)

17. Chi phí nhận thầu xây lắp: Chi phí nhận thầu các công trình phát sinh theo thực tế.

#### **Điều 24. Kê khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế**

Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm và quản lý chặt chẽ việc kê khai, nộp thuế, hoàn thuế theo đúng quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

#### **Điều 25. Xử lý kinh doanh thua lỗ**

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Chương V**

## **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ**

#### **Điều 26. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ của năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định (nếu có).

2. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có);

b) Trích tối đa 30% quỹ đầu tư phát triển;

- c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong Công ty:
- Công ty xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
  - Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
  - Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
  - Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- d) Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên:
- Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý công ty, kiểm soát viên;
  - Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý công ty, kiểm soát viên;
  - Công ty xếp loại C hoặc không thực hiện xếp loại thì không trích quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên.

đ) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung trích lập đủ các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

e) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a, b, c Khoản này được nộp vào ngân sách nhà nước.

### **Điều 27. Quản lý và sử dụng các quỹ**

1. Việc sử dụng các quỹ của Công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

a) Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các Quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Công ty; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty và công khai trong Công ty trước khi thực hiện;

b) Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm trích các Quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Công ty và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

3. Quỹ khen thưởng dùng để:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty (bao gồm cả người quản lý Công ty làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý Công ty, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng);

b) Thường cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty;

c) Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của Công ty.

4. Quỹ phúc lợi dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty, bao gồm cả người quản lý Công ty, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý Công ty, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

đ) Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc công ty quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Công ty.

5. Quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên:

a) Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;

b) Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý Công ty, kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty;

c) Trường hợp Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

6. Việc trích lập các quỹ nói trên phải được sự chấp thuận của Chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy định của Nhà nước.

## Chương VI

### KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

#### Điều 28. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch Công ty quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch Công ty quyết định, Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **Điều 29. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán**

1. Công ty thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

2. Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ. Chứng từ kế toán phải đảm bảo tính chính xác, cập nhật có hệ thống và đầy đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch hoạt động của Công ty. Việc lưu giữ chứng từ kế toán tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ lưu giữ tài liệu liên quan đến công tác kế toán:

a) Sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

b) Báo cáo kiểm toán độc lập, kết luận của cơ quan kiểm toán Nhà nước, cơ quan Thanh tra;

c) Các tài liệu khác theo quy định;

d) Công ty phải lưu giữ các tài liệu có liên quan đến công tác tài chính kế toán tại trụ sở Công ty. Thời gian lưu giữ, bảo quản theo đúng chế độ và theo quy định của pháp luật.

4. Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài Công ty chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Chủ tịch, Giám đốc Công ty hoặc theo quy định của pháp luật.

5. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo chế độ và các chuẩn mực kế toán. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

### **Điều 30. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác**

1. Cuối kỳ kế toán, Công ty lập, trình bày, gửi báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.



2. Công ty phải thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi đến cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định, Công ty phải thực hiện lập và gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước.

## Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính, Chủ tịch Công ty có quyền kiến nghị Chủ sở hữu Công ty sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

2. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban, trạm trực thuộc Công ty sẽ phân công chi tiết cụ thể cho từng công việc và trách nhiệm của từng cá nhân để việc thực hiện đạt hiệu quả cao nhất; góp phần vào việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty; đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có quy định mới của pháp luật quy định về tài chính, thuế thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, chưa hợp lý, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



  
Phan Văn Hậu

2000

